

# Bản tin chứng khoán

## Trong số này

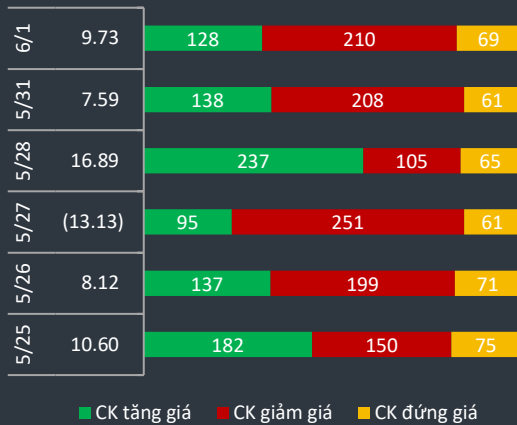
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

### Độ rộng thị trường



### Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

TPB	77.2
VHM	72.8
VRE	46.1
SSI	26.2
KDH	24.8
HDB	21.4
OCB	20.8
VIX	17.0
BVB	14.5
HSG	13.2
FLC	12.3
PVS	(21.5)
MBB	(27.5)
LPB	(31.5)
VNM	(36.7)
MSN	(38.7)
VIC	(58.0)
VCB	(68.1)
STB	(77.9)
HPG (554.8)	

Lệnh mua bán đổ vào thị trường ở ạt từ đầu phiên đã làm hệ thống sàn HOSE bị nghẽn lệnh từ rất sớm. Chỉ sau 1 giờ giao dịch đầu tiên thì hầu như lệnh vô sản đã không thể thực hiện được và phải đợi khá lâu mới đáp ứng. Nhà đầu tư cũng khó lòng biết cổ phiếu đang ở mức giá nào vì bảng điện không còn thể hiện chính xác. Để có thể chắc chắn khớp lệnh hầu như phải dùng đến lệnh MP khá rủi ro.

Bức tranh chung thị trường trước khi dừng giao dịch khá trái chiều khi chỉ số Vnindex có thời điểm tăng rất mạnh gần 20 điểm nhưng có cảm giác bên chiều bán diễn ra mạnh mẽ hơn so với bên mua vào. Nhóm cổ phiếu VN30 chia hai nửa xanh đỏ trong đó nhóm dẫn đầu xuất hiện các big cap lớn như VCB, VRE, VIC, FPT, HPG. Nhờ những blue chip này mà chỉ số index vẫn giữ xanh dù số cổ phiếu giảm chiếm áp đảo so với số mã tăng.

Cổ phiếu ngân hàng phân hóa trong ngày với áp lực bán mạnh chốt lời từ STB lên đến gần 50 triệu cổ phiếu. Lần đầu tiên sau hơn 1 tháng giá STB giảm hơn -4% trong phiên. BAB, BID, LPB, TCB cũng lần lượt chuyển từ xanh sang giảm điểm. Phía tăng điểm có VCB tăng tốt nhất hơn 5.1% cùng với VIB, MSB, SHB tăng trung bình từ 2%.

Nhóm cổ phiếu chứng khoán vẫn tăng tốt ở các mã cổ phiếu nhỏ SBS, PSI, WSS Trong khi nhóm cổ phiếu lớn VCI, HCM, SSI, FTS, SHS giảm mạnh nhất.

HPG sau khi chia thưởng tiếp tục tăng trần trong phiên nhưng sau đó hạ nhiệt còn 5.3%, NKG cũng xanh nhẹ 1.8% trong khi HSG, SMC, TLH POM đảo chiều mất điểm nhẹ.

Khối ngoại bán ròng trong ngày gần 600 tỷ, phiên hôm trước khối ngoại cũng bán ròng mạnh gần 1,700 tỷ đồng. HPG bị bán ròng nhiều nhất trong ngày với khoảng 555 tỷ đồng. Nhiều blue chip bị bán ròng như STB(-77.9 tỷ), VCB(-68.1 tỷ), VIC(-58 tỷ) trong khi phía mua ròng đáng chú ý chỉ có vài mã như TPB(77.2 tỷ), VHM(72.8 tỷ), VRE(46.1 tỷ), SSI(26.2 tỷ), KDH(24.8 tỷ). Như vậy chỉ sau ba phiên mua ròng nhẹ thì khối ngoại đã quay lại xu thế bán ròng đến hơn 2 ngàn tỷ chỉ sau 2 phiên đầu tuần.

Vnindex 1,337.78

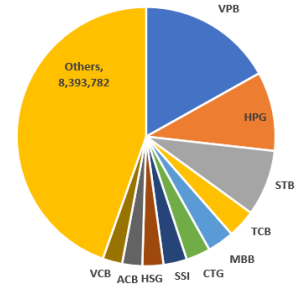
▲ +9.73 (+0.73%)

## Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
HPG	55.5	2,800	5.31
VCB	103.7	5,100	5.17
VRE	30.7	1,300	4.42
VIB	71.3	2,800	4.09
FPT	87.1	2,800	3.32
POW	12.1	350	2.98
VIC	120.0	2,500	2.13
ACB	42.1	700	1.69
HDB	34.3	500	1.48
VHM	104.0	1,400	1.36
GAS	83.7	1,100	1.33
DHG	95.0	900	0.96
TPB	37.8	350	0.93
NVL	135.8	1,200	0.89
MBB	38.2	200	0.53
PLX	54.7	100	0.18
VPB	69.3	100	0.14
PNJ	100.5	(400)	(0.40)
VNM	89.9	(600)	(0.66)
BCM	52.6	(400)	(0.75)
HVN	25.7	(200)	(0.77)
GVR	28.4	(250)	(0.87)
BVH	53.6	(500)	(0.92)
CTG	52.6	(500)	(0.94)
SAB	154.0	(1,500)	(0.96)
TCB	53.1	(600)	(1.12)
BID	48.0	(700)	(1.44)
MWG	136.5	(2,000)	(1.44)
PDR	75.8	(1,200)	(1.56)
SSI	43.7	(700)	(1.58)
REE	57.0	(1,200)	(2.06)
MSN	107.0	(3,100)	(2.82)
VJC	106.2	(3,800)	(3.45)
STB	32.4	(1,400)	(4.14)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



Chỉ số Vnindex tiếp tục lập đỉnh cao mới 1337 với thanh khoản hơn 26 ngàn tỷ chỉ trong phiên sáng. Việc đóng cửa đột ngột phiên chiều có thể gây áp lực tâm lý vào phiên thứ tư và không loại trừ khả năng tình huống lệnh bán sẽ đổ mạnh vào đầu ngày giao dịch. PE thị trường chung đang trên 20 và định giá thị trường đã không còn rẻ vì vậy việc thị trường điều chỉnh là cần thiết trong ngắn hạn. Dòng tiền của khối nội vẫn khá dồi dào do đó việc điều chỉnh có thể sẽ không quá sâu và chúng tôi kỳ vọng ngưỡng quanh 1300 có thể được giữ vững.

Một số nhóm ngành ngân hàng, chứng khoán đã tăng khá nhiều nhưng vài cổ phiếu trong hai nhóm ngành này vẫn còn dư địa tiếp tục tăng trưởng như OCB, STB, MBB, VCB, ABB, VCI, SSI, VND ... Nhóm thép kỳ vọng có thể tiếp tục tạo sóng khi kết quả quý 2 công bố với các cổ phiếu như HPG, HSG, NKG, SMC, TLH ... Một số cổ phiếu nhóm dầu khí, BĐS nhà đầu tư lưu ý các phiên tới như PVS, GAS, DBC, GVR, SZC ...

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
NKG	33.6	5.7	17	23	Nằm giữ. Mục tiêu 37	3/3/2021	76.8%
CTG	52.6	2.9	30	40	Nằm giữ. Mục tiêu 57	2/3/2021	50.7%
OCB	29.0		18	30	Mua quanh 20. Mục tiêu 32	2/3/2021	38.1%
HPG	55.5	12.0	38	50	Mua quanh 38-40. Mục tiêu 80	2/3/2021	32.1%
MWG	136.5	(6.5)	120	150	Mua quanh 115-120. Mục tiêu 150	2/3/2021	7.1%
STB	32.4	10.4	15	22	Nằm giữ. Mục tiêu 34	2/3/2021	80.0%
DIG	32.5	10.0	30	38	Nằm giữ. Mục tiêu 35	3/22/2021	10.2%
D2D	50.4	(4.7)	52	65	Mua quanh 52-53. Mục tiêu 65	5/4/2021	-3.1%
SZC	37.2	3.3	32	44	Mua quanh 33-34. Mục tiêu 40	5/4/2021	11.0%
PET	23.0	7.0	20	25	Mua quanh 20, mục tiêu 27	5/4/2021	16.8%
KBC	32.8	(2.7)	32	46	Nằm giữ	5/4/2021	-11.4%
PNJ	96.0	(1.4)	75	90	Chốt lãi	2/3/2021	15.8%
MBB	38.2	6.7	20	27	Chốt lãi	2/3/2021	57.2%
FPT	87.1	7.9	55	75	Chốt lãi	2/3/2021	24.4%
VPB	69.3	3.7	30	40	Chốt lãi	2/3/2021	95.2%
HSG	43.5	8.2	18	28	Chốt lãi	2/3/2021	82.0%
DGW	130.0	(10.1)	90	120	Chốt lãi	3/3/2021	30.0%

Chốt lời

# HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

## Top tăng giá HOSE

TDC	4.92
NLG	5.00
VCB	5.17
HPG	5.31
PXI	5.41
TVB	5.59
ITC	5.63
CTS	6.82
HBC	6.83
BSI	7.00
QBS	7.14
KSH	11.11

## Top tăng giá HNX

DC2	7.14
CMS	7.50
DXP	7.75
DST	7.89
KHB	8.00
ITQ	8.33
VIG	8.47
APP	8.77
HUT	9.23
TDT	9.26
SDT	9.26
WSS	9.38
PSI	9.41
ART	9.43
API	9.57
SD6	9.76
TNG	9.90
LDP	10.00

**HSG** - CTCP Tập đoàn Hoa Sen - Công bố ước đạt kết quả kinh doanh tháng 4/2021 với sản lượng tiêu thụ 216.390 tấn, doanh thu 4.550 tỷ đồng, giảm nhẹ so với tháng trước; lợi nhuận sau thuế 538 tỷ đồng, tăng 7% so với tháng 3/2021. Tuy nhiên, nếu so với cùng kỳ, doanh thu tăng trưởng 104% và lợi nhuận tăng trưởng đến 498%.

**NSH** - CTCP Nhôm Sông Hồng – Đã công bố kế hoạch kinh doanh năm 2021 với doanh thu thuần dự kiến đem về 1.200 tỷ đồng (tăng 40%) và lãi sau thuế 10 tỷ đồng (gấp 2,6 lần năm trước).

**MSN** - CTCP Tập đoàn Masan - Ngày 31/5, HĐQT đã có nghị quyết phê duyệt phương án tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%. Chi tiết sẽ được thông báo sau.

**FIT** - CTCP Tập đoàn F.I.T – Đã thông qua phương án phát hành 8 triệu cổ phiếu ESOP với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm.

**TCW** - Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng - Năm 2021, TCW đặt kế hoạch tổng doanh thu là 846,99 tỷ đồng, tăng 8,89% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế 84,22 tỷ đồng, tăng 7,89% so với thực hiện trong năm 2020.

**GEX** - Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam – Gelex - Ngày 04/6 tới đây sẽ chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua gần 293 triệu cổ phiếu phát hành thêm với tỷ lệ 10:6 (cổ đông sở hữu 01 được hưởng 01 quyền, cứ 10 quyền được mua thêm 6 cổ phiếu mới). Giá phát hành 12.000 đồng/cổ phiếu.

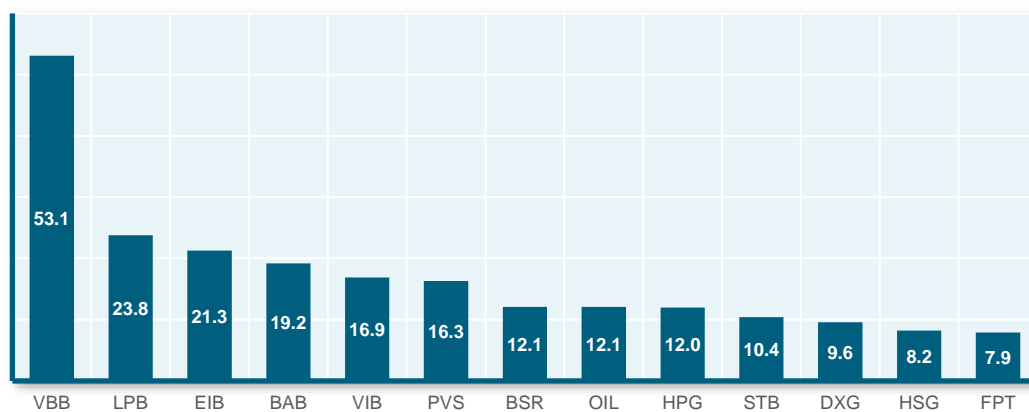
**NVL** - CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va - Thông báo, ngày 10/6 tới đây sẽ chốt danh sách cổ đông phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (cổ phiếu thưởng) theo tỷ lệ 555:198 (cổ đông sở hữu 555 cổ phiếu được nhận 198 cổ phiếu mới), tương đương NVL sẽ phát hành thêm gần 386 triệu cổ phiếu mới trong đợt này.

**PLX** - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Ngày 23/6 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 24/6. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 12%, thanh toán bắt đầu từ ngày 06/7/2021.

**KDH** - CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền - Ngày 11/6 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 14/6. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10%, tương đương KDH sẽ phát hành thêm hơn 55,88 triệu cổ phiếu mới trong đợt này. Bên cạnh đó, KDH cũng sẽ phát hành 8,4 triệu cổ phiếu ESOP với giá 15.000 đồng/cổ phiếu.

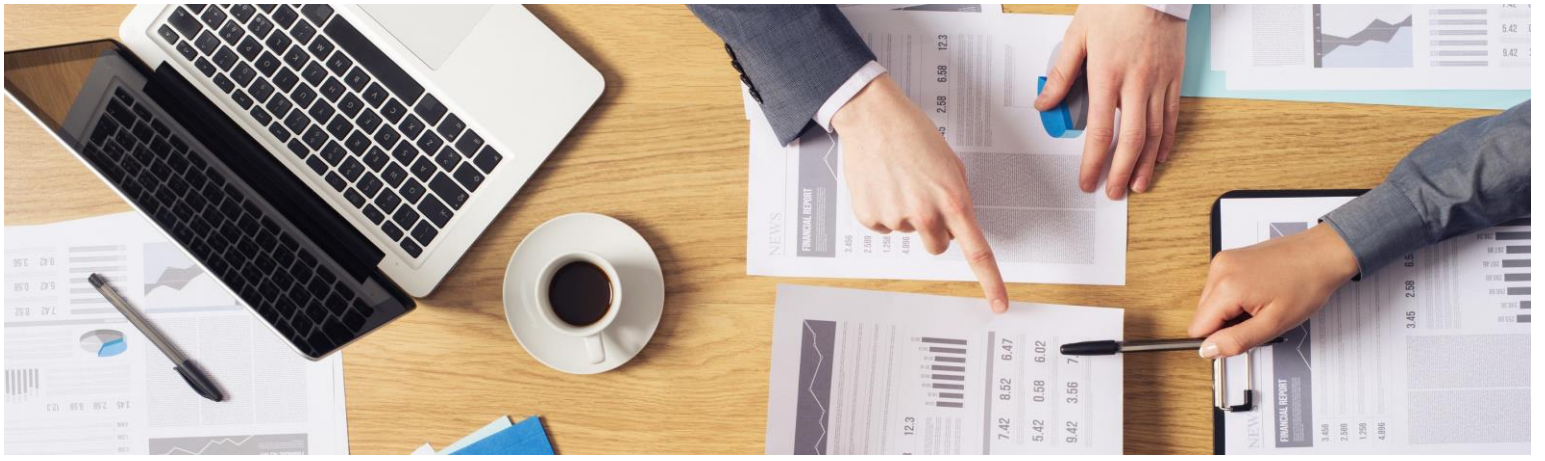


## Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



## Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

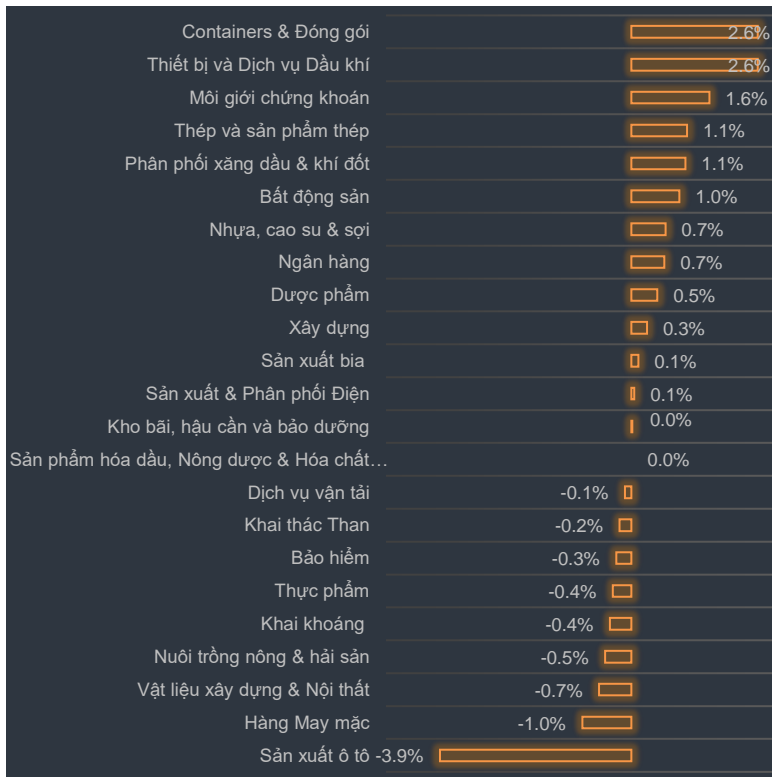
Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
ABB	HOSE	24.4	11,380,879	11.0	1.5	-	-	13,940	30.00	2,218	16,320
ACB	HOSE	42.1	11,159,800	9.5	2.4	-	-	91,002	30.00	4,419	17,547
BAB	HNX	30.4	515,340	32.4	2.5	200	-	21,538	-	939	12,064
BID	HOSE	48.0	4,096,100	22.8	2.3	5,200	171,700	193,057	16.65	2,103	20,453
CTG	HOSE	52.6	10,726,300	11.0	2.1	311,300	170,600	195,851	25.26	4,761	24,665
EIB	HOSE	32.5	904,700	45.6	2.4	4,000	100	39,957	29.84	713	13,822
HDB	HOSE	34.3	5,188,000	8.4	2.1	661,600	42,700	54,666	17.44	4,066	16,572
LPB	UPCOM	29.6	21,800,700	13.2	2.1	34,300	1,065,100	31,809	4.08	2,239	14,059
MBB	HOSE	38.2	16,331,400	9.8	2.0	371,400	1,086,800	106,913	22.72	3,912	19,196
MSB	HOSE	28.0	13,815,600	11.5	1.8	-	-	32,396	30.00	2,436	15,368
NVB	HNX	21.3	10,470,302		2.0	1,100	33,100	8,665	8.73	27	10,532
OCB	HOSE	29.0	4,759,200	8.7	1.7	710,300	-	31,781	15.00	3,341	16,848
SHB	HNX	31.0	30,575,141	15.4	2.1	3,200	17,400	59,692	1.27	2,013	14,631
SSB	HOSE	40.9	1,733,600	30.7	3.5	-	-	49,438	-	1,331	11,769
STB	HOSE	32.4	47,063,500	21.7	2.0	291,000	2,649,800	58,438	11.78	1,495	16,485
TCB	HOSE	53.1	12,358,200	13.0	2.4	-	-	186,111	22.49	4,074	22,566
TPB	HOSE	37.8	6,046,600	8.7	2.2	2,010,000	-	40,509	29.81	4,354	17,399
VCB	HOSE	103.7	4,533,500	18.2	3.8	215,400	892,000	384,611	23.29	5,708	27,234
VIB	HOSE	71.3	1,593,800	13.5	4.1	70,800	25,000	79,099	20.48	5,297	17,420
VPB	HOSE	69.3	46,477,100	15.0	3.0	28,000	111,400	170,114	20.78	4,628	22,811
			<b>261,529,762</b>	<b>16.85</b>	<b>2.40</b>	<b>4,717,800</b>	<b>6,265,700</b>	<b>1,849,587</b>		<b>3,004</b>	<b>17,388</b>



### Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	IMP	HOSE	23/06/2021	24/06/2021	16/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	KST	HNX	23/06/2021	24/06/2021	16/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	C32	HOSE	18/06/2021	21/06/2021	29/07/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	SKG	HOSE	17/06/2021	18/06/2021	9/7/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	MLS	UPCoM	15/06/2021	16/06/2021	15/07/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 4,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	TYA	HOSE	15/06/2021	16/06/2021	7/7/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,750 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	PMS	HNX	14/06/2021	15/06/2021	30/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	HMC	HOSE	14/06/2021	15/06/2021	29/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	DBM	UPCoM	14/06/2021	15/06/2021	25/06/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	VTO	HOSE	10/6/2021	11/6/2021	24/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	CDH	UPCoM	9/6/2021	10/6/2021	23/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	CST	UPCoM	9/6/2021	10/6/2021	29/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	DIG	HOSE	8/6/2021	9/6/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:17	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
14	WCS	HNX	8/6/2021	9/6/2021	24/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	HPT	UPCoM	7/6/2021	8/6/2021	10/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	PNT	UPCoM	7/6/2021	8/6/2021	18/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	VCA	HOSE	7/6/2021	8/6/2021	22/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	HCB	UPCoM	7/6/2021	8/6/2021	18/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	TMP	HOSE	7/6/2021	8/6/2021	17/06/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 4,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	PTS	HNX	7/6/2021	8/6/2021	15/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	PET	HOSE	7/6/2021	8/6/2021	22/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	DRC	HOSE	7/6/2021	8/6/2021	28/06/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	VNM	HOSE	7/6/2021	8/6/2021	30/06/2021	Trả cổ tức đợt 3/2020 bằng tiền, 1,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	MVB	HNX	7/6/2021	8/6/2021	15/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	HLS	UPCoM	4/6/2021	7/6/2021	18/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	HLS	UPCoM	4/6/2021	7/6/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:18	Thưởng cổ phiếu
27	SIV	UPCoM	4/6/2021	7/6/2021	21/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	KKC	HNX	4/6/2021	7/6/2021	25/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

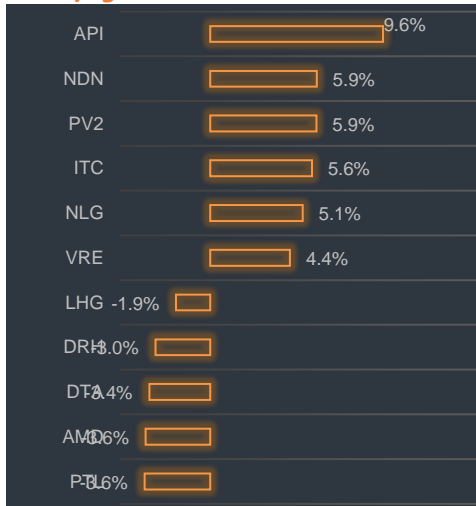
# Tăng giảm ngành trong ngày



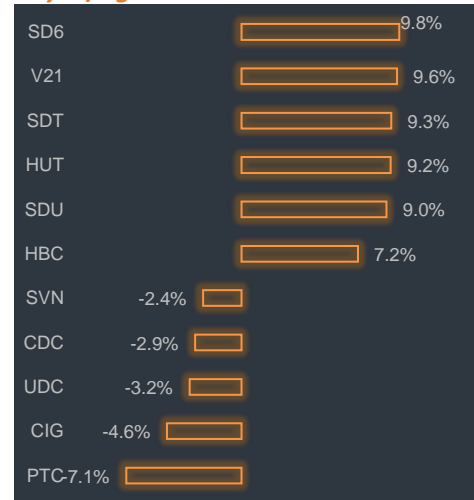
## Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

<b>Bất động sản:</b>	API, NDN, PV2
<b>Xây dựng:</b>	SD6, V21, SDT
<b>Dầu khí:</b>	CNG, HTC, PVB
<b>Chứng khoán:</b>	SBS, PSI, WSS
<b>Ngân hàng:</b>	VCB, VIB, SHB

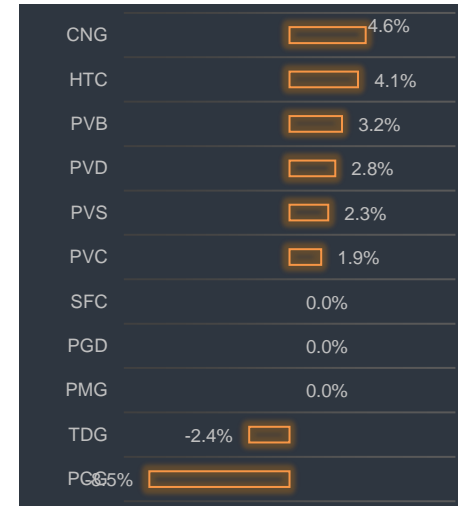
### Bất động sản



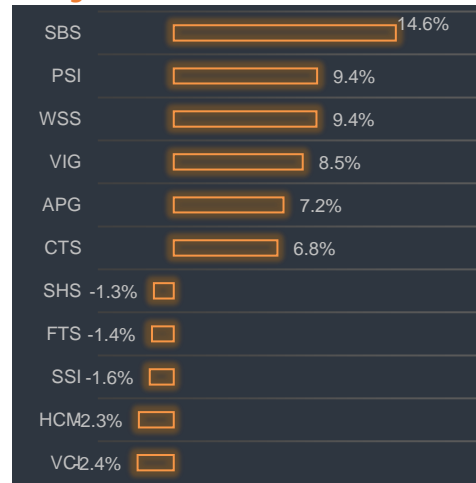
### Xây dựng



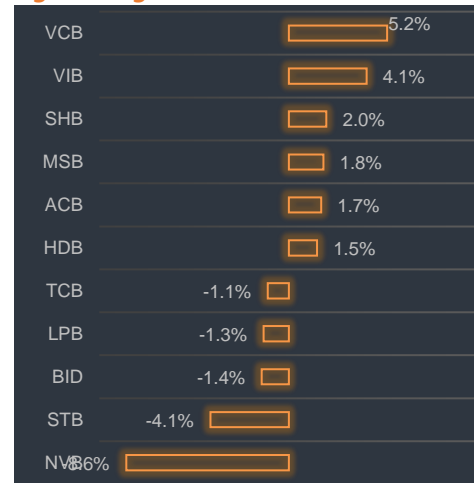
### Dầu khí



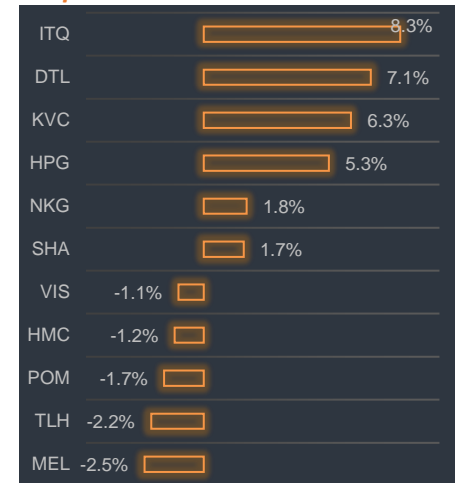
### Chứng khoán



### Ngân hàng



### Thép



## Tổng hợp kế hoạch kinh doanh nhóm ngân hàng

Cổ phiếu	Kế hoạch 2021	VDL (tỷ VND)	LN 2020 (tỷ VND)	EPS	Lợi nhuận Q1.2021	Lợi Nhuận 2020.Q1	yoy
<b>BID</b>	Tăng trưởng huy động vốn phù hợp với sử dụng vốn, dự kiến tăng trưởng 12%-15%. Tăng trưởng dư nợ tín dụng năm 2021 của BIDV dự kiến tăng trưởng 10%-12%; tỷ lệ nợ xấu kiểm soát không vượt 1,6%. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất dự kiến đạt 13.000 tỷ đồng, tăng hơn 40% so với năm 2020. Chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 12,2%	40,220	9,026	2,137	3,250	1,814	79%
<b>CTG</b>	Kế hoạch tăng trưởng dư nợ tín dụng 6-12%, vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư phù hợp với sử dụng vốn dự kiến 8-12%. năm 2021, Ngân hàng đặt mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận từ 10 - 20%, tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 2%. VietinBank lấy ý kiến cổ đông tăng vốn điều lệ lên 48.000 tỷ đồng thông qua phát hành hơn 1 tỷ cổ phiếu để trả cổ tức, tương đương tỷ lệ gần 28,8%	37,234	17,085	4,640	7,500	2,974	152%
<b>VCB</b>	Vietcombank được NHNN giao hạn mức tăng trưởng tín dụng 10,5% và có thể tăng khoảng 14%, cao nhất trong khối ngân hàng quốc doanh (chỉ khoảng 6 - 7,5%). Kế hoạch LN trước thuế năm 2021 khoảng 25,200 tỷ	37,089	23,050	5,354	7,000	5,223	34%
<b>TCB</b>	Kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm nay là 19.800 tỷ đồng, tăng 25,3% so với kết quả năm 2020. Dư nợ tín dụng dự kiến đạt gần 356.200 tỷ đồng, tăng trưởng ít nhất 12%. Giá trị huy động vốn (bao gồm chứng chỉ tiền gửi cho khách hàng cá nhân) dự kiến đạt 334.291 tỷ đồng, tăng trưởng ít nhất 14,7%.	35,049	15,800	4,264	6,000	3,121	92%
<b>MBB</b>	Năm 2021, MB đặt mục tiêu tăng lợi nhuận 25 – 30%, tương đương 14.610 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng riêng lẻ tại thời điểm cuối quý 1 khoảng 1,14%, so với mức 1,46% cùng kỳ. Tỷ lệ dự phòng bao nợ xấu gần 150% (tức là 100 đồng nợ xấu thì ngân hàng dự phòng gần 150 đồng).	27,988	10,688	3,742	4,600	2,196	109%
<b>VPB</b>	Thương vụ thoái vốn khỏi FE Credit của VPBank có thể được hoàn thành trong nửa đầu trong năm 2021 với mức định giá cổ phiếu vào khoảng 3 - 4 lần giá trị sổ sách. Việc bán 49% vốn tại FE Credit sẽ mang về khoản lãi sau thuế 21.000 tỷ đồng. Số tiền này không được ghi nhận như một khoản thu nhập trong kết quả kinh doanh nhưng sẽ làm gia tăng nguồn vốn tự có và giảm chi phí vốn bình quân cho VPBank.	25,300	13,019	4,461	4,000	2,911	37%
<b>ACB</b>	ACB đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng 9% và tăng vốn điều lệ lên 27.019 tỷ đồng thông qua chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 25%. tổng tài sản tăng 10%, tiền gửi khách hàng và tín dụng đều tăng 9%. Lợi nhuận sau thuế dự kiến là 8.482 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 2%.	21,616	9,596	3,986	3,100	1,925	61%

<b>HDB</b>	HDBank (HDB) đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 7.281 tỷ đồng, tăng 25% so với năm trước. Tổng tài sản dự kiến tăng 25% đạt 399.320 tỷ đồng, trong đó dư nợ tín dụng tăng 26% đạt 236.758 tỷ đồng, và tổng huy động vốn tăng 25% lên 359.851 tỷ đồng. Ngân hàng cũng trình kế hoạch tăng vốn điều lệ thêm hơn 4.200 qua chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 25%. Ngân hàng sẽ trình xin ý kiến các cổ đông về việc chấm dứt việc sáp nhập với PGBank	16,088	5,818	3,042	1,550	1,251	24%
<b>SSB</b>	SeABank (SSB) đặt mục tiêu lãi trước thuế 2.414 tỷ đồng, tăng 40% so với thực hiện năm trước. Tổng tài sản đến cuối năm lên kế hoạch tăng 10%, đạt 198.229 tỷ đồng. Huy động tiền gửi của khách hàng ở mức 124.277 tỷ đồng, dư nợ cho vay khách 122.978 tỷ đồng, lần lượt tăng 9,7% và 13%. Tỷ lệ nợ xấu dự kiến duy trì dưới 3%.	12,087	1,729	1,402	698	309	126%
<b>MSB</b>	kế hoạch kinh doanh năm 2021 lợi nhuận trước thuế đạt 3.280 tỷ đồng, tăng 30%. Tổng tài sản tính đến cuối năm 2021 mục tiêu đạt 190.000 tỷ đồng, tăng 8%. Trong đó, dư nợ tín dụng đạt 106.208 tỷ đồng, tăng 125%. Vốn huy động tại thị trường I và trái phiếu huy động vốn đạt 114.105 tỷ đồng, tăng 15%. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 3%.	11,750	2,523	2,338	1,200	290	314%
<b>VIB</b>	VIB đặt kế hoạch tăng trưởng tổng tài sản 26%, đưa tài sản của ngân hàng lên trên 300.000 tỷ đồng. Dư nợ tín dụng lên 225.000 tỷ đồng, tương đương 31%. Mục tiêu lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 29%, lên trên 7.500 tỷ đồng. VIB dự kiến tăng vốn bằng hình thức chia cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu 40% và dự kiến phát hành chào bán cổ phiếu. Vốn điều lệ dự kiến sau các phương án tăng vốn này là khoảng 16.000 tỷ đồng,	11,094	5,803	4,706	1,800	1,075	67%
<b>OCB</b>	Ngân hàng xác định mục tiêu tăng trưởng tổng tài sản khoảng 25% và lợi nhuận tăng 30% khoảng trên 5700 tỷ. Mục tiêu tăng trưởng tín dụng khoảng 20%. Tiếp tục bán vốn cho NĐTNN. Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tại OCB là 20,13% trong khi room ngoại của ngân hàng đang được khoá ở ngưỡng 22%.	10,959	4,419	3,349	1,275	1,107	15%
<b>TPB</b>	TPBank (HoSE: TPB) đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 5.500 tỷ đồng, tăng 25% so với thực hiện năm trước. Tổng tài sản lên kế hoạch tăng 21% ở mức 250.000 tỷ đồng. Tổng huy động đặt mục tiêu tăng 20% lên 221.893 tỷ đồng. Dự nợ cho vay và trái phiếu tổ chức kinh tế lên mục tiêu tăng 25% lên 165.434 tỷ đồng, tùy thuộc vào mức Ngân hàng Nhà nước cho phép. Tỷ lệ nợ xấu kế hoạch duy trì dưới 2%.	10,717	4,389	3,568	1,400	1,009	39%

EPS: Cập nhật đến Q1.2021





## BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh  
khanhnh@vise.com.vn

## Khuyến cáo

*Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.*

*Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.*

*Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.*

**VISecurities**  
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

### Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

### Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931